**TUẦN 3**

*Thứ 2 ngày 23 tháng 9 năm 2024*

Tiết 1.

HĐTN

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ : TÌM HIỂU AN TOÀN TRƯỜNG HỌC**

**1. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực đặc thù:

+ NL hiểu biết về bản thân và môi trường sống:

- Biết một số quy tắc an toàn khi tham gia giao thông.

- Có ý thức chấp hành đúng và tham gia giao thông an toàn, đặc biệt ở cổng trường.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất yêu nước: Đứng nghiêm trang chào cờ và hát quốc ca..

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, chú ý theo dõi, thực hiện đúng yêu cầu của giáo viên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY –HỌC:**

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

- Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu :

- GV giới thiệu và nhấn mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:

-Nhà trường triển khai một số nội dung phát động phong trào “An toàn trường học”, trong đó có thể thực hiện một chủ đề có liên quan đến việc đảm bảo an toàn ở trường như “Cổng trường an toàn giao thông” (có thể mời một cảnh sát giao thông hướng dẫn cho HS).

- Giới thiệu cho HS biết ý nghĩa của việc tham gia thực hiện “Cổng trường an toàn giao thông”: đảm bảo an toàn cho HS, xây dựng nhà trường văn minh, tránh gây ùn tắc ở cổng trường.

- Tuyên truyền và nhắc nhở HS một số lưu ý khi tham gia giao thông để xây dựng “Cổng trường an toàn giao thông”: xếp hàng ngay ngắn từng lớp khi ra về; để xe đúng quy định theo hàng, lối; đội mũ bảo hiểm khi ngồi sau xe mô tô, xe máy điện, xe đạp điện, nhắc nhở bố mẹ, người thân đứng đón xếp hàng theo khu vực quy định, không dừng, đỗ xe ở ngay gần cổng trường để chờ đón HS.)

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**:......................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2,3.

Tiếng Việt

**BÀI 10: Ê - L**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ cái **ê, l** ; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ê, l** ..

- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **ê**, âm **l**

- Đọc đúng bài Tập đọc

- Biết viết trên bảng con các chữ **ê, l** và tiếng **lê.**

-Biết tìm được các tiếng có âm ê, hoạc âm l ngoài bài

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: +Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

+ Bảng cài, bộ thực hành TV.

- HS: Bảng con, phấn, VBT Tiếng Việt 1, bộ thực hành TV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1.Mở đầu: Trò chơi Gửi thư**  - Cho HS tham gia trò chơi.  - Nhận xét.  - Y/c HS đọc các từ: **cờ đỏ, cố đô, đồ cổ, đa**  - Y/c HS viết bảng: **cờ đỏ, da dẻ**.  \* GTB: GV viết tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài về: âm ê và chữ ê; âm l và chữ l.  - GV chỉ, HS đọc: ê, l và giới thiệu chữ Ê, L in hoa.  - GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS  **2. Hình thành kiến thức mới:**  **\* *Dạy âm ê, chữ ê***  - GV đưa hình ảnh quả lê và hỏi:Đây là quả gì?  - GV chỉ tiếng lê y/c HS đọc.  - GV nhận xét  - Y/c HS phân tích tiếng **lê**.  ***\* Đánh vần.***  - GV chỉ tiếng lê và mô hình tiếng lê  - GVHD đánh vần: ***lờ-ê-lê***  - Y/c HS đánh vần nhanh: ***lờ-ê-lê***  - Các em vừa học các chữ mới, tiếng mới là gì?  - Y/c HS cài chữ ê, l, tiếng lê.  **3. Luyện tập:**  ***BT2: Tiếng nào có âm ê, tiếng nào có âm l***  *-* GV nêu y/c: Giở SGK trang 22 QS tranh BT2 rồi nêu tên các sự vật có âm ê, âm l.  *-* GV chỉ từng hình theo số thứ tự HS nêu tên từng sự vật.  *-* Y/c từng cặp HS lên chỉ và nêu tên từng sự vật.  - GV chỉ đảo lộn các hình y/c cả lớp nói tên từng sự vật.  *-* Y/c HS làm bài trong VBT  - Y/c 2HS lên lên báo cáo kết quả: Nêu tiếng có âm ê, nêu tiếng có âm l.  - Y/c HS tìm tiếng ngoài bài có âm ê, âm l.  **BT3: *Tập đọc***  ***\**** GV đưa nội dung Tập đọc (BT3) giới thiệu về các con vật, sự vật có trong tranh...  ***\* Luyện đọc từ ngữ.***  - GV chỉ lần lượt từng tranh hỏi: Đây là con gì?  kết hợp giải nghĩa từ la, lồ ô, le le, đê, le la.  - GVHD HS đánh vần, đọc trơn các từ dưới tranh.  - GV chỉ các từ không theo thứ tự y/c một số HS đọc. | - HS tham gia trò chơi.  - 3 – 4 HS đọc.  - HS viết, nhận xét bạn viết đúng, đẹp.  - Lắng nghe  - HS đọc cá nhân, cả lớp: nhận biết chữ in hoa.  - Lắng nghe.  - HS QS, nêu:  - HS nhận biết , đọc cá nhân-tổ-cả lớp:  - Cá nhân phân tích tiếng  - HS quan sát  - Cá nhân, tổ, đồng thanh  **-** HS đánh vần cá nhân, tổ, lớp.  - HS nêu:  - HS cài trên bảng cài theo y/c.  - HS mở sách trang 22 và thực hiện y/c bài.  - HS lần lượt nêu tên từng sự vật.  *-* Từng cặp HS nêu tên từng sự vật.  - HS nêu đồng thanh.  - HS thực hiện nối ê với hình chứa tiếng có âm ê, nối l với tiếng có âm l.  - 2 HS thực hiện, HS khác theo dõi.  - QS, lắng nghe.  - HS đánh vần, đọc trơn các từ.  - 3-5HS đọc. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* GV đọc mẫu:***  ***-*** GV đọc lại các từ ở BT3: la, lá, lồ ô, le le, dế, dê, đê, lọ, lê la.  ***\* Thi đọc cả bài:***  - Tổ chức cho HS thi đọc theo nhóm bàn.  - Thi đọc theo tổ, nhóm bàn, cá nhân.  - Nhận xét tuyên dương bạn đọc tốt.  - Y/c cả lớp đọc lại BT3.  **BT4: Tập viết**  - Y/c HS đọc các chữ mẫu cần viết trong BT5  - Y/c HS lấy bảng con, phấn để tập viết.  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết: **ê, l, lê**  + Chữ ê: Cao 2 li, rộng 1,5 li, gồm 3 nét: nét 1 viết như chữ e, nét 2 và nét 3 là 2 nét xiên ngắn chụm đầu vào nhau thành dấu mũ(^) giống chữ ô  + Chữ l: Cao 5 li là kết hợp của hai nét cơ bản khuyết xuôi và móc ngược (phải).  + Tiếng **lê**: viết chữ **l** trước chữ **ê** sau, chú ý nối giữa chữ **l** với chữ **ê**.  *-* Y/c HS viết trên khoảng không  - Y/c HS viết bảng con: **ê, l, lê**  - Nhận xét, tuyên dương bạn viết đẹp, tiến bộ.  - Chọn một số bài viết đẹp cho HSQS.  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, tuyên dương HS.  - Về nhà em hãy tìm nói cho bố mẹ nghe các tiếng có âm l và âm ê nhé. | - HS lắng nghe, đọc thầm.  - Từng nhóm bàn QS đọc các từ BT3  - Thi đọc cá nhân, nhóm,... nhận xét.  - HS đọc.  - Hs quan sát, đọc.  - HS lấy bảng, phấn theo y/c.  - HS quan sát.  - Theo dõi viết mẫu  - HS theo dõi  - HS viết trên không.  - HS viết bảng con 2 lần:  - HS khác nhận xét  - 3-4 HS viết đẹp giới thiệu trước lớp.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** Bài tập 2 GV cho HS hoạt động nhóm đôi.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chiều:

Tiết 1.

TOÁN

**BÀI: SỐ 10**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Biết cách đếm các đồ vật có số lượng đến 10. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10.

- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 10.

- Đọc, viết số 10.

- Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.

2. Năng lực:

- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua hoạt động đếm số lượng, nêu số tương ứng các tình huống thực tiễn

- Học sinh phát triển năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc sử dụng các thẻ số 10 để để biểu thị số lượng.

-Phát triển năng lực mô hình hóa toán: Thông qua HS quan sát các hình ảnh trong sách để đếm số lượng.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, tham gia chơi trò chơi sôi nổi, hứng thú.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

- Bộ đồ dùng toán học 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - GV chiếu tranh SGK Toán 1 trang 18.  - Yêu cầu học sinh làm việc nhóm đôi: nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?  - Giáo viên theo dõi, giúp đỡ các nhóm.  **2. Hình thành kiến thức mới:**  *HĐ1. Hình thành số 10.*  - GV yêu cầu HS đếm số quả táo và số chấm tròn.  - GV yêu cầu gài số 10.  - GV yêu cầu HS lấy 10 đồ vật bất kì trong bộ đồ dùng toán rồi đếm.  - Y/C HS lên bảng đếm  *HĐ2. Viết số 10*  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết số 10  - GV cho học sinh viết bảng con  - GV nhận xét, sửa cho HS.  **3. Thực hành, luyện tập:**  ***Bài 1:***  *a. Số ?*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  *b. Chọn số thích hợp:*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  - GV cùng học sinh nhận xét phần chia sẻ của bạn.  ***Bài 2:*** Lấy số hình phù hợp (theo mẫu)  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS làm mẫu  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  ***Bài 3:*** Số ?  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 0-10 và 10-0.  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  **4. Vận dụng:**  ***Bài 4:*** Đếm và chỉ ra 10 bông hoa mỗi loại.  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài theo cặp.  - GV yêu cầu học sinh kể tên các 10 đồ vật có xung quanh mình.  - GV cùng HS nhận xét.  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 10 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS quan sát tranh trên màn hình.  - HS đếm số quả mỗi loại rồi trao đổi với bạn  - HS đếm và trả lời :  - HS gài số  - HS lấy nhóm đồ vật số lượng là 10 , rồi đếm.  - HS ở dưới theo dõi và nhận xét.  - Học sinh theo dõi và quan sát  - HS tập viết số  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số quả có trong mỗi hình  - Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các nhóm.  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số quả và chọn số thích hợp.  - 3 HS lên chia sẻ trước lớp  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu.  - HS lấy số hình vuông ứng với số theo mẫu  - HS báo cáo kết quả làm việc.  - HS nhận xét.  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS thi đếm từ 0 đến 10 và đếm từ 10 đến 0.  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS đếm đủ 10 bông hoa mỗi loại rồi chia sẻ với bạn cách đếm.  - HS kể  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: ......................................................................**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2.

CCKT

**ÔN ÂM Ê- L**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận diện được các chữ ê, l các tiếng lê, la cà, le le, lê la

- Đọc và viết đúng các tiếng lê, la cà, le le, lê la

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, chú đọc bài theo lệnh của GV..

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- GV: SGK.

HS: Bảng con, vở ô li.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.Mở đầu.**  - GV tổ chức trò chơi tìm tiếng  - GV phổ biến luật chơi  - GV nhận xét  **2. Thực hành, luyện tập.**  - Chép bài lên bảng các tiếng lê, la cà, le le, lê la  -Yêu cầu đánh vần , đọc trơn  -GV nhận xét, sửa sai.  - Đọc bài trong sách giáo khoa  - Quan sát nhận xét  3: Luyện viết  + Hướng dẫn bảng con  - GV viết mẫu:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |   Gv theo dõi và hổ trợ cho một số em viết còn yếu.    **4. Vận dụng, dặn dò**  - Về nhà các em đọc viết lại những gì em học cùng người thân  Gv nhận xét tiết học | -HS chơi    - Đánh vần theo nhóm đôi và đồng thanh.  - Đọc cá nhân , nhómđôi, đồng thanh .  - Học sinh mở sách giáo khoa  - Đọc cá nhân  - HS viết bảng con lê, la cà, le le, lê la  -HS viết vào vở |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:..........................................................................**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

*Thứ 3 ngày 24 tháng 9 năm 2024*

Tiết 1,2.

Tiếng Việt

**BÀI 11: B- BỄ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ cái **b**; nhận biết thanh ngã, dấu ngã, đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có âm **b** “mô hình “âm đầu + âm chính”; “âm đầu + âm chính + thanh”: **bê, bễ.**

- Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **b**, có **thanh ngã.**

- Đọc đúng bài tập đọc *Ở bờ đê.*

- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng và chữ số: **b, bễ; 2, 3.**

-Biết tìm được các tiếng có âm b ngoài bài

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, rèn tính cẩn thận khi viết..

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: + Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

+ Bảng cài, bộ thẻ chữ .

- HS: Bảng con, phấn, VBT Tiếng Việt 1, bộ thực hành TV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **1. Mở đầu:**  **-** GV cho HS múa hát bài Vui đến trường.  - Y/c HS đọc bài 10; viết bảng ê, l, lê.  - Y/c HS nhận xét, GV bổ sung.  - GV giới thiệu bài.  - GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS  **2. Hình thành kiến thức mới:**  *HĐ1. Dạy âm, chữ b*  - GV xuất hiện tranh con bê và hỏi: Đây là con gì?  - GV viết lên bảng tiếng **bê,** đọc mẫu, y/c HS đọc.  ***-*** Y/c HS phân tích tiếng**bê**  - Y/c HS đánh vần, đọc trơn: ***bờ-ê-bê/ bê***  *HĐ2. Dạy tiếng bễ*  - GV chỉ vào hình cái bễ(lò rèn) giới thiệu cái bễ.  - GV chỉ tiếng **bễ**. Tiếng **bễ** khác tiếng **bê ở điểm nào?**  **-** GV nêu: Đó là dấu ngã chỉ thanh ngã  - GV đọc : **bễ** y/c HS đọc.  - GV y/c HS đánh vần nhanh, đánh vần rút gọn tiếng **bễ**.  - Nhận xét cách đánh vần, đọc trơn..  - Các em vừa học các tiếng mới là gì? Tiếng bễ có dấu thanh gì?  - Y/c HS đánh vần, đọc trơn bê, bễ.  - Y/c HS tìm và ghép tiếng bễ. Nhận xét.  **3. Luyện tập, thực hành:**  ***BT2: Tiếng nào có âm b***  - Y/c HS QS tranh BT2 trang 24 tìm tiếng có âm b  *-* GV chỉ từng hình theo số thứ tự gọi HS nêu tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình y/c cả lớp nêu.  - Y/c HS tìm tiếng ngoài bài có âm b.  ***BT3: Tiếng nào có thanh ngã***  *- GV làm tương tự bài tập 2*  ***BT4: Tập đọc***  \*GV đưa tranh bài Tập đọc y/c HS nêu các con vật có trong từng tranh. GV giới thiệu nội dung từng tranh.  \*GV đọc mẫu:GV chỉ từng hình đọc chậm từng câu.  - Y/c HS đọc đầu bài và các từ GV gạch chân.  - Y/c cả lớp đọc, GV giải nghĩa bờ đê, la cà, be be.  ***\**** Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh.  - GV nêu bài 3 tranh – 4 câu, chỉ cho HS đếm.  - GV chỉ từng tiếng tên đề bài, trong từng câu cho cả lớp đọc thầm, gọi 1HS đọc, cả lớp đọc. Đọc liền 3 – 4 câu.  - Y/c HS đọc nối tiếp từng câu.  - Y/c 3 nhóm bàn đọc câu nối tiếp theo tranh.  - GV chỉ đảo lộn y/c HS đọc.  \* Thi đọc cả bài: theo cặp, tổ.  - Tổ chức cho HS thi đọc theo nhóm, tổ( y/c chỉ từng chữ khi đọc).  - Gọi 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Nhận xét tuyên dương bạn đọc tốt.  \* Tìm hiểu bài  - GV nêu câu hỏi gợi ý từng tranh.  - Y/c HS đọc lại toàn bài.  **BT5: Tập viết**  - Y/c HS đọc các chữ mẫu cần viết trong BT5  *-* Y/c HS lấy bảng con.  *\** GV viết bảng : b, bê, bễ; số 2, 3 vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết.  \* Thực hành viết  - Y/c HS viết trên khoảng không  - Y/c HS viết bảng con: **b, bê, bễ; số 2, 3**  - Chọn một số bài viết đẹp cho HSQS.  - GV nhận xét, tuyên dương bạn viết tiến bộ.  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, tuyên dương HS.  - Về nhà em hãy luyện viết âm b, tiếng bê, bễ và nói cho bố mẹ nghe các tiếng có âm b và thanh ngã. | - Múa hát.  - 2HS đọc, cả lớp viết, nhận xét bạn viết đúng, đẹp.  - HS quan sát đọc cá nhân, cả lớp:  - Lắng nghe.  - HSQS, nêu: Đây là con bê  - HS nhận biết  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp:  - Cá nhân phân tích  - Hs quan sát, đọc thầm.  - HS đánh vần, đọc trơn cá nhân, nhóm, cả lớp.  **-** Hs Quan sát, lắng nghe.  - Cá nhân so sánh .  - HS nhắc lại  - HS đọc cá nhân, cả lớp:  - QS, đọc cá nhân, nhóm, tổ, lớp.  - HS đánh vần nhanh:  - Nhận xét.  - HS nêu  **-** HS đánh vần cá nhân, lớp.  - HS cài tiếng bễ trên bảng cài.  - HS lắng nghe , mở sách trang 24.  - HS lần lượt nêu tên từng sự vật.  - HS chỉ và làm vào VBT  - HSQS, nêu:  - HS lắng nghe.  HS QS, lắng nghe.  - HS đọc:  - Cả lớp đọc, lắng nghe  - QS, đếm số câu.  - HSQS đọc thầm từng tiếng trong từng câu, đọc cá nhân, cả lớp. Đọc cả bài.  - HS đọc nối tiếp cá nhân, nhóm bàn.  - 3 nhóm đọc nối tiếp các câu dưới 3 tranh.  - HS đọc.  - Từng cặp, tổ thi đọc cả bài.  - 1HS đọc, cả lớp đọc.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS cả lớp đọc.  - 2 HS đọc:  - HS lấy bảng, phấn theo y/c.  - Theo dõi GV viết mẫu.  - HS viết trên không.  - HS viết bảng con 2 lần:  - 3-4 HS viết đẹp giới thiệu trước lớp.  - HS khác nhận xét  - Lắng nghe.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: .............................................................................**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 4.

HĐTN

**MỘT NGÀY Ở TRƯỜNG**

**CHIA SẺ VIỆC THỰC HIỆN ATGT Ở CỔNG TRƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực đặc thù:

+ NL hiểu biết về bản thân và môi trường sống:

- HS tự tin tham gia tham gia các trò chơi.

- Bước đầu hình thành được một số thói quen tự phục vụ bản thân khi ở trường.

-Các bạn trong lớp đã làm được để tham gia xây dựng “Công trường an toàn giao thông”.

- HS hình thành các cảm xúc tích cực và bày tỏ ý kiến về việc tham gia các hoạt động tự phục vụ khi ở trường.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái:Giúp đỡ nhau trong hoạt động nhóm.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, chú ý theo dõi, chơi trò chơi sôi nổi,có hứng thú học tập,

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tranh ảnh về hoạt động học tập và vui chơi của HS trong trường học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu.**  - GV cho hS hát bài Đèn đỏ,đèn xanh:  - Giới thiệu bài:  Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và làm quen với quang cảnh và các hoạt động của một ngày ở trường.  **2. Hình thành kiến thức mới.**  Hoạt động 1.Trò chơi kết bạn.  \* Cách tiến hành:  a. Thực hiện trò chơi theo nhóm:  - HS chia thành các nhóm 6 đến 10 người.  - GV phổ biến luật chơi:  + HS các nhóm đứng theo vòng tròn, một bạn làm quản trò đứng ở giữa vòng tròn.  + Khi quản trò hô: “Kết bạn, kết bạn”, các học sinh xung quanh sẽ đáp “Kết mấy? Kết mấy?”. Lúc đó, quan trò sẽ nêu số lượng ........Bạn nào không có nhóm sẽ là người thua cuộc.  - Gv cho HS chơi trò chơi.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS  b) Làm việc cả lớp*:*  - HS trả lời câu hỏi để nêu được cảm nhận sau khi tham gia trò chơi này:  + Em có vui khi tham gia trò chơi này không?  + Em có bị thua cuộc lần nào không. Khi các bạn đều có nhóm kết bạn mà em không có thì em có cảm xúc như thế nào?  + Khi các bạn ở trường, em và bạn có thể cùng nhau làm những việc gì?  - GV nhận xét và rút ra kết luận.  \*GV kết luận:  Khi ở trường, em và bạn cùng nhau tham gia nhiều hoạt động khác nhau như: cùng nhau thảo luận nhóm để học tập trong các tiết học, giúp đỡ nhau khi gặp bài khó, cùng nhau tham gia các trò chơi trong các giờ nghỉ giữa giờ. Có bạn, chúng em học tốt hơn; có bạn, chúng em sẽ vui hơn.  **3. Luyện tập và vận dụng.**  - Hoạt động 2: Tìm hiểu một ngày ở trường của em.  \* Cách tiến hành :  a) Làm việc cả lớp:  Cho HS quan sát các tranh trong SGK và trả lời một số câu hỏi:  + Các bạn trong tranh đang tham gia những hoạt động nào? Hoạt động đó mang lại ích lợi gì?  b) Làm việc theo nhóm  - HS ngồi các nhóm 2 hoặc 4 người.  - Cho các nhóm thảo luận theo các câu hỏi:  +Ở trường, em và các bạn được tham gia những hoạt động nào?  + Em đã tự làm được những việc gì khi ở trường?  + Việc làm đó của em mang lại ích lợi gì?  - Cho HS đại diện các nhóm lên bày tỏ ý kiến, GV nhận xét và rút ra kết luận.  \* Kết luận:  Khi ở trường, các em nên tự thực hiện những việc như: sắp xếp, dọn đồ ăn trước và sau khi ăn, gấp và cất chăn gối sau khi ngủ trưa; vứt, nhặt rác để giúp sân trường sạch sẽ hơn;cất và xếp ghế sau khi chào cờ và hoạt động tập thể; uống nước và vệ sinh cá nhân; chăm sóc hoa, cây cối ở vườn trường  **. An toàn giao thông ở cổng trường.**  \* GV tổ chức cho HS tham gia một số hoạt động như:  - Chơi các trò chơi: thi nhận biết nhanh về các biển báo giao thông đường bộ.  - Thi đóng vai tham gia giao thông, đóng vai xử lý các tình huống khi tham gia giao thông đường bộ.  - Y/C HS thảo luận và chia sẻ cặp đôi và cả lớp về: những việc mà bản thân đã chứng kiến, quan sát được về tình huống không an toàn khi tham gia giao thông; những việc mà bản thân đã thực hiện khi tham gia phong trào “Cổng trường an toàn giao thông”; những lời khuyên tới các bạn trong lớp để tham gia giao thông an .  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về an toàn trường học. | - Hát  - Lắng nghe  - HS chia nhóm theo bàn.  - Lắng nghe.  - HS chơi theo nhóm.  - HS trả lời những cảm nhận của mình sau khi chơi.  + HS trả lời.  + HS nói về cảm xúc của mình.  + HS kể những việc mình đã làm cùng bạn.  - Lắng nghe.  - Theo dõi, lắng nghe  - Làm việc cả lớp  + HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn  - Làm việc theo nhóm  - Thảo luận, thống nhất ý kiến.  + HS đưa ra các hoạt động: tập đọc, làm toán, vui chơi,…  + HS nêu những việc đã làm  + HS nêu.  - Các nhóm lên chia sẻ.  - Lắng nghe, ghi nhớ  - Lắng nghe  - HS chơi trò chơi  - HS chia nhóm, đóng vai xử lí một số tình huống giao thông.  - HS làm việc cặp đôi |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**:…………………………………………

Chiều:

Tiết 2.

TIẾNG VIỆT

**TẬP VIẾT: Ê, L, B, LÊ, BỄ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các chữ ê, l, b, tiếng lê, bễ.

- Nắm được quy trình viết các con chữ, nắm được độ cao của từng con chữ, khoảng cách giữa các con chữ.

- Ngồi viết đúng tư thế, biết cách cầm bút.

- Tô, viết đúng các chữ **ê, l, b** các tiếng **lê, bễ** – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét, đưa bút đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

- Tô, viết đúng các chữ số 2, 3.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc, hoàn thành bài tập được giao.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, chú ý viết cẩn thận, trình bày sạch sẽ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: Chữ mẫu. Tivi, máy tính, học liệu điện tử

- HS: Bảng con, phấn, vở tập viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - GV cho HS hát và vận động theo bài hát.  - Y/c HS nêu tên các tiếng đã học ở bài 10, 11.  - GV giới thiệu bài, ghi đầu bài lên bảng:  **2. Hình thành kiến thức mới:**  - GV treo giới thiệu các âm, tiếng: **ê, l, b lê, bê, bễ, số 2, 3.**  - Y/c HS đọc.  - GVHD nêu đặc điểm, cấu tạo, cách viết tiếng **lê, bê, bễ; số 2, 3.**  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, vừa nêu quy tŕnh viết.  **3. Luyện tập:**  - Y/c HS mở vở Luyện viết 1  - HDHS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng.  - Y/c HS tập tô, tập viết các chữ **ê, l, b, lê, bê, bễ, số 2, 3.**  - Theo dõi, hỗ trợ HS viết chậm. Động viên HS hoàn thành tốt viết phần *Luyện tập thêm.*  - GV nhận xét, tuyên dương bạn viết đẹp.  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, tuyên dương HS viết nhanh, đúng, đẹp.  - Về nhà em hãy luyện viết vào vở luyện ở nhà. | - Hát.  - HS trả lời:  - HSQS, lắng nghe.  - HS quan sát  - HS đọc (cả lớp-nhóm-cá nhân).  - HS nêu, lắng nghe.  - HS theo dõi, nhắc lại.  - HS lắng nghe.  - HS mở vở Luyện viết.  - HS theo dõi làm theo HD của GV.  - HS viết bài cá nhân    - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: ....................................................................**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3.

TOÁN

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được số lượng trong phạm vi 10. Biết đọc, viết các số trong phạm vi 10, thứ tự vị trí của mỗi số trong dãy số từ 0 – 10.

- Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.

- Nhận dạng và gọi đúng tên hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

2. Năng lực:

- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua hoạt động đếm số lượng, nêu số tương ứng các tình huống thực tiễn tìm những con vật có 2 chân, 4 chân,…

- Học sinh phát triển năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc sử dụng các thẻ số, hinh.

-Phát triển năng lực mô hình hóa toán: Thông qua HS quan sát các hình ảnh trong sách để đếm số lượng.

**-** Học sinh có cơ hội được phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.Thông qua việc tìm quy luật xếp hình đơn giản.

**3.**Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, tham gia chơi trò chơi sôi nổi, hứng thú.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

- Bộ đồ dùng toán học 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC :**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Mở đầu.**  \* Trò chơi : Tôi cần, tôi cần.  - Giáo viên hướng dẫn cách chơi: chọn 2-3 đội chơi, mỗi đội 3-5 người chơi. Quản trò nêu yêu cầu. Chẳng hạn: “Tôi cần 3 cái bút chì”. Nhóm nào lấy đủ 3 chiếc bút chì nhanh nhất được 2 bông hoa. Nhóm nào được 10 bông hoa trước sẽ thắng cuộc.  - GV cho học sinh chơi thử.  - GV cho học sinh chơi  - GV tổng kết cuộc chơi trao giải cho đội thắng cuộc,  **2. Thực hành luyện tập.**  Bài 1. Mỗi chậu có mấy bông hoa?  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  Bài 2. Trò chơi “Lấy cho đủ số hình**”**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS cách chơi: Chia lớp thành các nhóm 4. 2 bạn lấy ra 2 số trong phạm vi 10, 2 bạn còn lại lấy ra số đồ vật tương ứng có trong bộ đồ dùng học toán.  Sau đó đổi vai. Bạn nào làm nhanh và đúng bạn đó chiến thắng.  - GV cho học sinh chơi theo nhóm bốn  - GV cho HS lần lượt lên chia sẻ kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  Bài 3. Số ?  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh đọc các số trong bài  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  **3. Vận dụng, dặn dò.**  Bài 4. Đếm số chân của mỗi con vật sau**.**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh chơi trò chơi: Đố bạn  - GV phổ biến luật chơi: Một bạn lên chỉ vào hình các con vật chỉ định 1 bạn bất kì nói số chân của con vật đó.  - GV cho HS chơi thử  - GV cho HS chơi  - GV cùng HS nhận xét.  Bài 5. Tìm hình phù hợp.  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh lên báo cáo kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 10 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS nghe hướng dẫn chơi  - HS chơi thử.  - HS chơi  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số bông hoa và trả lời  + Chậu hoa màu hồng có 10 bông hoa.  + Chậu hoa màu xanh có 9 bông hoa.  + Chậu hoa màu vàng không có bông hoa nào.  - Một vài HS lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các bạn  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu.  - Lắng nghe  - HS chơi trong vòng 5 phút  - HS báo cáo kết quả làm việc  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS đọc  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS lắng nghe    - HS quan sát và kể số chân con vật được chỉ định  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi xác định hình phù hợp vào ô trống.  - HS nêu kết quả a. Tam giác màu đỏ  b. hình chữ nhật màu xanh, hình chữ nhật màu vàng |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** Bài 5 cho HS hoạt động nhóm đôi.

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Thứ 4 ngày 25 tháng 9 năm 2024*

Tiết 1,2.

TIẾNG VIỆT

**BÀI 12: G - H**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ cái **g, h**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có âm **g, h** ,**ga, hồ**

- Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **g**, âm **h**

- Đọc đúng bài tập đọc *Bé Hà, bé Lê*

- Biết viết trên bảng con các chữ **g, h**, tiếng **ga, hồ**

-Biết tìm được các tiếng có âm g hoặc âm h ngoài bài và hiểu được nội dung bài tập đọc.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát,tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: Tranh minh họa từ khóa, chữ mẫu, tivi, máy chiếu, học liệu điện tử.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn. Vở tập viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Trò chơi: Đố bạn  - GV y/c HS đọc bài: Ở bờ đê.  - Y/c HS viết bảng: **ê, bễ.** Nhận xét.  \* GTB: GV viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài về: âm g và chữ g; âm h và chữ h. G, H in hoa.  - GV chỉ chữ g, h nói g, h; y/c HS đọc.  - GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS  **2. Hình thành kiến thức mới:**  ***HĐ1. Dạy âm g, chữ g***  - GV đưa hình ảnh nhà ga và hỏi: Đây là gì?  - GV chỉ tiếng **ga** y/c HS đọc.  - GV nhận xét  \* Y/c HS phân tích tiếng ga  - Y/c HS nhắc lại.  *\* Đánh vần.*  - Y/c HS đánh vần: gờ - a – ga / ga  ***HĐ2. Dạy âm h, chữ h***( **Tương tự g**)  - Các em vừa học các chữ mới, tiếng mới là gì?  - Y/c HS ghép bảng cài, g, ga, h, hồ. Nhận xét.  **3. Luyện tập, thực hành:**  ***BT2: Tiếng nào có âm g (gờ), tiếng nào có âm h?***  *-* GV nêu y/c BT : QS tranh BT2 trang 26 rồi nêu tiếng có âm , tiếng có âm h.  *-* GV chỉ từng hình theo số thứ tự gọi HS nêu tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình y/c cả lớp nói tên tên từng sự vật.  *-* Y/c HS làm bài trong VBT  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì,gọi HS báo cáo kết quả.  - Y/c HS tìm tiếng ngoài bài có âm g,h.  ***BT3: Tập đọc***  \*GV đưa 4 tranh minh họa bài Bé Hà, bé Lê (BT3).  - Giới thiệu: Bài có 4 nhân vật: Bà, Hà, Lê(em trai Hà), ba Hà. Xác định lời nhân vật trong từng tranh, mũi tên chỉ vào người nói.  \*GV đọc mẫu:  ***-*** GV đọc mẫu từng lời kết hợp giới thiệu từng tình huống. Giải nghĩa từ“ bế”.  + Hà ho bà ạ.  + Để bà bế Bé Lê đã. Dạ.  + A, ba! Ba bế Hà!  + Ba bế cả Hà, cả bé Lê.  \* Luyện đọc từ ngữ  - GV chỉ, y/c HS đọc các từ gạch chân. | - Cả lớp tham gia trò chơi.  - 3 – 4 HS đọc.  - HS viết, nhận xét bạn viết đúng, đẹp.  - Lắng nghe  - HSQS đọc cá nhân, cả lớp:  - Lắng nghe.  - HS QS, nêu: Đây là nhà ga  - HS nhận biết  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp:  - HS nêu:  - HS nêu  - Cá nhân, tổ, đồng thanh:  - HS nêu:  - HS cài trên bảng, nhận xét.  - HS lắng nghe y/c và mở sách trang 26.  - HS lần lượt nêu tên từng sự vật.  - HS nêu đồng thanh.  - HS thực hiện đánh dấu tích vào ô trống có hình chứa tiếng có âm  - HSQS, nêu:  - HS nêu:  - HS QS  - HS QS, lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc cá nhân, cả lớp: |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| ***\**** Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh.  - GV nêu bài 4 tranh – lời dưới 4 tranh.  - GV chỉ chậm từng tiếng tên đề bài, trong từng câu cho cả lớp đọc thầm, gọi 1HS đọc, cả lớp đọc. Đọc liền 3 – 4 câu.  - Y/c HS đọc nối tiếp từng câu dưới tranh.  - Y/c nhóm bàn đọc câu nối tiếp theo tranh.  - GV chỉ đảo lộn y/c HS đọc.  \* Thi đọc cả bài: theo cặp, tổ.  - Tổ chức cho HS thi đọc theo nhóm, tổ( y/c chỉ từng chữ khi đọc).  - Gọi 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Nhận xét tuyên dương bạn đọc tốt.  \* Tìm hiểu bài  - GV nêu câu hỏi: Qua bài đọc em hiểu điều gì?  - Y/c HS đọc lại toàn bài.  ***BT4: Tập viết***  - Y/c HS đọc các chữ mẫu cần viết trong BT4  *\** GV viết bảng : g, ga, h, hồ vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết.  \* Thực hành viết  - Y/c HS viết trên khoảng không  - Y/c HS viết bảng con: **g, ga, h, hồ.**  - Chọn một số bài viết đẹp cho HSQS.  - GV nhận xét, tuyên dương bạn viết tiến bộ.  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, tuyên dương HS.  - Về nhà em hãy luyện viết lại âm g, ga, h, hồ | - QS, đếm số câu.  - HSQS đọc thầm từng tiếng trong từng câu, đọc cá nhân, cả lớp. Đọc cả bài.  - HS đọc nối tiếp cá nhân, nhóm bàn.  - Các nhóm đọc nối tiếp các câu dưới 4 tranh.  - 4 HS đọc.  - Từng cặp luyện đọc sau đó các cặp, tổ thi đọc cả bài.  - 1HS đọc, cả lớp đọc.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS đọc.  - 2 HS đọc:  - Theo dõi GV viết mẫu.  - HS viết trên không.  - HS viết bảng con 2 lần:  - 3-4 HS viết đẹp giới thiệu trước lớp.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Phần mở đầu cho HS khởi động bằng bài hát: “Đàn gà con”

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

*Thứ 5 ngày 26 tháng 9 năm 2024*

Tiết 1,2.

TIẾNG VIỆT

**BÀI 13: I - IA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ **i, ia;** đánh vần, đọc đúng tiếng có **i, ia** , **bi, bia.**

- Nhìn tranh ảnh minh hoạ, phát âm và tự phát hiện tiếng có âm **i,** âm **ia.**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Bé Bi, bé Li.*

- Biết viết các chữ **i, ia;** các tiếng **bi, bia,** các chữ số **4, 5** (trên bảng con).

*-* Biết tìm được các tiếng có âm I, hoặc âm ia ngoài bài và hiểu được nội dung bài tập đọc.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát,tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tinh, học liệu điện tử.

- Bảng cài, bộ thẻ chữ.

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu.**  - Cho HS nghe và hát theo bài hát: ABC  - Y/c HS đọc bài Tập đọc: Bé Hà, bé Lê.  - Y/c HS viết bảng: **ga, hồ.** Nhận xét.  \* GTB: Viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài về: âm i và chữ i; âm ia và chữ ia, chữ I in hoa.  - GV chỉ từng chữ i, ia; y/c HS đọc.  - GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS  **2. Hình thành kiến thức mới:**  ***HĐ1. Dạy âm i, chữ i***  - GV đưa hình ảnh các viên bi và hỏi: Đây là gì?  - GV giới thiệu về **bi**, chỉ tiếng **bi** y/c HS đọc.  - GV nhận xét  \* Phân tích: Tiếng **bi** gồm những âm nào?  - Y/c HS nhắc lại.  *\* Đánh vần.*  - GV chỉ tiếng bi y/c HS đánh vần.  ***HĐ2. Dạy âm ia, chữ ia( tương tự âm i)***  - Các em vừa học các chữ mới, tiếng mới là gì?  - Y/c HS ghép bảng cài **i, bi, ia, bia**. Nhận xét.  **3. Luyện tập:**  ***BT2: Tìm tiếng có âm đ***  ***-*** GV nêu y/c BT : QS tranh BT2 trang 28 tìm và nêu tiếng có âm i, ia.  *-* GV chỉ từng hình theo số thứ tự gọi HS nêu tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình y/c cả lớp nói tên tên từng sự vật.  *-* Y/c HS làm bài trong VBT  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì,gọi HS báo cáo kết quả.  - Y/c HS tìm tiếng ngoài bài có âm i, ia.  **BT3. *Tập đọc***  \*GV đưa 4 tranh minh họa bài Bé Bi, bé Li (BT3).  - Giới thiệu: Bài đọc về anh em bé Bi, bé Li (Li là em gái Bi).  \*GV đọc mẫu:  ***-*** GV đọc mẫu từng lời dưới tranh, giới thiệu tình huống.Giải nghĩa từ “ lia lịa”.  + Bé Li bi bô:  - Bi, Bi.  + Bé ạ đi.  + Bé ạ lia lịa, bé bị ho.  + Bi dỗ bé.  \* Luyện đọc từ ngữ  - GV chỉ, y/c HS đọc các từ gạch chân  *\** Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh.  - GV nêu bài 4 tranh – lời dưới 4 tranh.  - GV chỉ chậm từng tiếng tên đề bài, trong từng câu cho cả lớp đọc thầm, gọi 1HS đọc, cả lớp đọc. Đọc liền 3 – 4 câu.  - Y/c HS đọc nối tiếp từng câu dưới tranh.  - Y/c nhóm bàn đọc câu nối tiếp theo tranh.  - GV chỉ đảo lộn y/c HS đọc.  \* Thi đọc cả bài: theo cặp, tổ.  - Tổ chức cho HS thi đọc theo nhóm, tổ( y/c chỉ từng chữ khi đọc).  - Gọi 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Nhận xét tuyên dương bạn đọc tốt.  \* Tìm hiểu bài  - GV nêu câu hỏi: Qua bài đọc em hiểu điều gì?  - Y/c HS đọc lại toàn bài.  BT 4: Tập viết  - Y/c HS đọc các chữ mẫu cần viết trong BT4  *\* Viết mẫu.*  - GV viết bảng : i, bi, ia, bia, số 4, 5.  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết.  *\* Thực hành viết*  - Y/c HS viết trên khoảng không  - Y/c HS viết bảng con: i, ia, bi, bia, 4, 5.  - Y/c HS giơ bảng con  - Chọn một số bài viết đẹp cho HSQS.  - GV nhận xét  **4. Vận dụng:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, tuyên dương HS.  - Về nhà em hãy nói cho bố mẹ nghe các tiếng có âm I và vần ia | - Hát  - 3 – 4 HS đọc.  - HS viết, nhận xét.  - Lắng nghe  - HSQS đọc cá nhân, cả lớp:  - Lắng nghe.  - HSQS, nêu.  - HS lắng nghe nhận biết  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp:  - HS nêu:  - HS nêu  - HS đánh vần:  - HS nêu:  **-** HS cài bảng  Nhận xét.  - HS lắng nghe y/c và mở sách trang 28.  - HS lần lượt nêu tên từng sự vật.  - HS nêu đồng thanh.  - HS thực hiện nối i, ia với hình chứa tiếng có âm i, ia.  - HSQS, nêu:  - HS nêu  - HS QS  - HS QS, lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc cá nhân, cả lớp:  - HSQS đọc thầm từng tiếng trong từng câu, đọc cá nhân, cả lớp. Đọc cả bài.  - HS đọc nối tiếp cá nhân, nhóm bàn.  - Các nhóm đọc nối tiếp các câu dưới 4 tranh.  - 4 HS đọc.  - Từng cặp luyện đọc sau đó các cặp, tổ thi đọc cả bài.  - 1HS đọc, cả lớp đọc.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS đọc.  - HSQS, đọc.  - Theo dõi GV viết mẫu.  - HS viết trên không.  - HS viết bảng con 2 lần:  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS viết đẹp giới thiệu trước lớp.  - HS khác nhận xét  Lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**…………………………………………..

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 4.

CCKT

**ÔN ÂM G, H,I,IA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ g, h **i, ia;** đánh vần, đọc đúng tiếng ga, hồ, **bi, bia.**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Bé Hà, bé Lê.*

- Biết viết các chữ ga, hồ, bi, bia (trên bảng con).

*-* Biết tìm được các tiếng có âm g.h, I, hoặc âm ia ngoài bài và hiểu được nội dung bài tập đọc.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát,tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tinh, học liệu điện tử.

- Bảng cài, bộ thẻ chữ.

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu.**  - GV tổ chức trò chơi tìm tiếng  - GV phổ biến luật chơi  - GV nhận xét  **2. Thực hành, luyện tập.**  - Chép bài lên bảng  Bài tập đọc. Bé Hà, bé Lê  -Yêu đọc trơn  -GV nhận xét, sửa sai.  - Chép bài lên bảng  Bài tập đọc. Bé Bi, bé Li  -Yêu đọc trơn  - GV nhận xét, sửa sai.  - GV cho HS tìm hiểu lại bài tập đọc  - GV tổ chức trò chơi tìm tiếng theo yêu cầu  - Luyện viết  + Hướng dẫn bảng con  - GV viết mẫu:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |   Gv theo dõi và hỗ trợ cho một số em viết còn yếu.    **3. Vận dụng.**  - Về nhà các em đọc viết lại những gì em học cùng người thân  Gv nhận xét tiết học | -HS chơi    - HS thi đọc cá nhân    - Đọc cá nhân , nhóm đôi, đồng thanh .      - HS chơi    - Hai em lên bảng viết , ở dưới viết bảng con ga, hồ, bi, bia |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**..........................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Thứ 6 ngày 27 tháng 9 năm 202*

Tiết 1.

TIẾNG VIỆT

**TẬP VIẾT: G, H, I, IA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Tô, viết đúng các chữ **g, h, i, ia** và các tiếng **ga, hồ, bi, bia -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

- Tô, viết đúng các chữ số **4, 5.**

- Có tư thế ngồi viết, cầm bút đúng.

-Biết chia sẻ, trả lời được các câu hỏi về độ cao và độ rộng của các con chữ…

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc, hoàn thành bài tập được giao.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, chú ý viết cẩn thận, trình bày sạch sẽ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

- Vở luyện viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  -GV cho HS hát múa bài “ Như một hòn bi xanh”.  -GV nhận xét và kết nối bài học.  - GVGT bài, ghi đầu bài: Tập viết – Tuần 3  **2. Hình thành kiến thức mới:**  - GV treo giới thiệu các âm, tiếng: **g, h, i, ia**, **ga, hồ, bi, bia**  - Y/c HS đọc.  - GVHD nêu đặc điểm, cấu tạo, cách viết tiếng **g, h, i, ia**, **ga, hồ, bi, bia, số 4, số 5.**  - GV vừa viết mẫu vừa nêu quy trình viết.  **3. Luyện tập:**  - Y/c HS mở vở Luyện viết 1  - Y/c HS tập tô, tập viết các chữ **g, h, i, ia**, **ga, hồ, bi, bia, số 4, số 5.**  - Theo dõi, hỗ trợ HS viết chậm.  **4. Vận dụng:**  **-** GV nhận xét, đánh giá tiết học, tuyên dương HS viết đúng, đẹp.  - Về nhà em hãy luyện viết thêm. | - Hát múa    - HSQS, lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS đọc (cả lớp-nhóm-cá nhân).  - HS nêu, lắng nghe.  - HS mở vở Luyện viết.  - HS viết bài cá nhân  - HS lắng nghe và thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**......................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3.

KỂ CHUYỆN

**HAI CHÚ GÀ CON**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, không cần GV hỏi, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu lời khuyên của câu chuyện : Anh em phải yêu thương, nhường nhịn nhau, đừng tranh giành, nghĩ xấu về nhau để khỏi phải xấu hổ, ân hận.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chú ý nghe và tích cực hăng say phát biểu.

- Phẩm chất nhân ái: Anh em thì biết thương yêu, nhường nhịn nhau, đừng tranh giành lẫn nhau...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- GV: Máy chiếu để chiếu tranh minh họa, video truyện.

- HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Mở đầu:**  - Cho HS hát bài Đàn gà con:  - Gọi 1 số HS lên kể lại câu chuyện Chồn con đi học.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài và ghi bảng.  **2. Hình thành kiến thức mới:**  ***\* Phỏng đoán:***  **-** GV chiếu lên bảng lớp 6 tranh minh hoạ truyện  *Hai chú gà con*  *-* Y/c HS xem tranh, đoán nội dung câu chuyện.  **\*** GV giới thiệu : Câu chuyện *Hai chú gà con* kể về hai anh em gà. Nom chúng thật đáng yêu nhưng không rõ vì chuyện gì mà chúng cãi nhau. Các em hãy lắng nghe câu chuyện.  - GV cho HS xem video kể chuyện 3 lần.  ***\*Trả lời câu hỏi theo tranh***  - GV treo tranh, lần lượt nêu các câu hỏi dưới tranh, mỗi HS chỉ trả lời câu hỏi trên 1 tranh.  + Tranh 1: Ra vườn kiếm ăn, anh em gà con thấy gì?  + Tranh 2: Đang đói bụng, hai chú gà làm gì?  + Tranh 3: Vì sao hai anh em gà cãi nhau?  + Tranh 4: Khi lại thấy con mồi, anh em gà làm gì?  + Tranh 5: Chuột xuất hiện và nói điều gì?  + Tranh 6: Vì sao hai anh em gà ân hận, xấu hổ?  - GV nhận xét HDHS khi trả lời câu hỏi: cần nói to, rõ, nhìn vào người nghe, nói đủ ý.  - Y/c một số HS trả lời các câu hỏi dưới 1-2 tranh liền nhau. HS khác nhận xét.  - Y/c các cặp khác trả lời các tranh còn lại.  -Y/c HS trả lời 6 câu hỏi dưới 6tranh. HS khác nhận xét.  **3. Luyện tập:**  - Y/c một số HS dựa vào 1-2 tranh minh hoạ kể 1-2 đoạn của câu chuyện.  - Y/c HS bình chọn bạn kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể.  - GV gọi một số HS kể chuyện theo tranh bất kì bằng trò chơi ô cửa.(mở ô nào kể tranh họa đoạn đó)  - Y/c HS nhận xét, bình chọn bạn kể tốt.  - GV cất tranh y/c HS kể toàn bộ câu chuyện.  - Nhận xét, tuyên dương HS kể tốt.  **\* Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?  - GV chốt: Câu chuyện khuyên các em Anh em phải yêu thương nhau; tranh giành, nghĩ xấu về nhau sẽ phải xấu hổ, ân hận.  **4. Vận dụng:**  - Nhận xét, tuyên dương HS kể chuyện hay.  - Nhắc HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện và ý nghĩa câu chuyện.  - Nhắc HS về chuẩn bị bài sau: *Đôi bạn.* | - Hát.  - HS thi đua kể.  - Lắng nghe.  - HSQS nói điều mình đoán.  - Lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HSQS, lắng nghe.  - HSQS, lắng nghe.  - Mỗi HS chỉ trả lời câu hỏi dưới 1 tranh.  - 2HS trả lời  - 2HS trả lời  - 2HS trả lời  - 2HS trả lời  - HS trả lời.  - HS trả lời  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - 1 HS trả lời  - Một số HS kể chuyện theo nội dung 1-2 tranh.  - Nhận xét, bình chọn bạn kể tốt.  - Một số HS tham gia kể.  - Nhận xét, bình chọn bạn kể hay.  - 1HS kể lại toàn truyện.  - Nhận xét.  - HS trả lời  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**..........................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Chiều:

Tiết 1.

TOÁN

**NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Biết so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật.

- Biết sử dụng từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* khi so sánh về số lượng.

2. Năng lực:

-Phát triển năng lực mô hình hóa toán: Thông qua HS quan sát các hình ảnh trong sách để đếm số lượng đê so sánh.

**-** HS có cơ hội được phát triển năng lực giao tiếp toán học Thông qua việc quan sát tranh tình huống, trao đổi, nhận xét chia sẻ ý kiến, sử dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* để mô tả, diễn đạt so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, tham gia chơi trò chơi sôi nổi, hứng thú.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

- VBT, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu:**  - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động ở trang 22 SGK .  - YC HS trao đổi cặp đôi  - YC HS NX về số bạn gấu so với số bát, số cốc hay số thìa có trên bàn.  \* GTB  **2. Hình thành kiến thức mới:**  \* GV chiếu hình ảnh số cốc, đĩa, thìa, bát  - Yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi nói cho nhau nghe số bát nhiều hơn số cốc hay số cốc nhiều hơn số bát?  + Vẽ đường nối tương ứng thẻ bát và cốc.  + Ta thấy số cốc thừa ra mấy cái?  + Chứng tỏ số cốc đã nhiều hơn số bát hay số bát ít hơn số cốc.  \* GV làm tương tự với hai hình ảnh còn lại  - GV Y/C HS nhắc lại : nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.  **3. Thực hành, luyện tập:**  *Bài 1. Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau để nói về hình vẽ sau.*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho HS quan sát hình vẽ.  + Trong hình vẽ những gì?  + Để thực hiện yêu cầu của bài toán thì trước hết ta phải làm gì?  + Gọi HS báo cáo  - GV cho HS làm bài  - Gọi HS báo cáo kết quả bài 1.  - GV cùng HS khác nhận xét  - GV Y/C cả lớp đọc lại kết quả  *Bài 2.Cây bên nào nhiều quả hơn*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân  - Mời HS lên chia sẻ kết quả bài làm.  - GV và HS nhận xét  - GV cho HS nhắc lại kết quả bài làm  **4. Vận dụng:**  *Bài 3.Xem tranh rồi kiểm tra câu nào đúng, câu nào sai.*  - GV nêu yêu cầu bài tập  - Em cho biết bức tranh vẽ gì?  - GV đọc từng câu và Y/C HS nêu đ/s  - GV Y/C HS giải thích lí do chọn đúng hoặc sai.  - GV khuyến khích HS quan sát tranh và đặt câu hỏi liên quan đến bức tranh sử dụng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.  - Gọi HS lên chia sẻ.  - GV cùng HS nhận xét  - Gv nhận xét giờ học và nhắc HS chuẩn bị bài mới. | - HS quan sát  - HS trao đổi những điều quan sát được  - HS nx  - HS quan sát  - HS trao đổi theo cặp : Số cốc nhiều hơn số bát.  + HS vẽ theo  - Thừa ra 1 cái  - HS nhắc lại  - HS làm theo yêu cầu.  - HS (cá nhân- cả lớp)nhắc lại  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS quan sát  + Vẽ.  - So sánh  + HS lấy và so sánh số thìa với với số cốc và kết luận.  - HS làm việc  - Đại diện các cặp lên trình bày:  - HS nhận xét bạn  - HS (cá nhân-tổ) đọc  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS làm bài vào vở BT.  - Vài HS lên bảng chia sẻ kết quả và cách làm  - HS nhận xét bạn.  - HS (cá nhân-tổ) nhắc lại kết quả  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS lắng nghe và nêu  - HS giải thích cách làm.  - HS làm việc theo cặp.  - Đại diện các cặp lên chia sẻ  - HS khác nhận xét.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**....................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2.

TIẾNG VIỆT

**BÀI 15: ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Năng lực ngôn ngữ:

- Biết ghép các âm đã học (âm đầu **l, b, h, g,** âm chính **a, o, ô, ơ, e, ê, i, ia)** .

- Đọc đúng bài Tập đọc *Bể cá.*

- Tìm đúng từ ứng với mỗi hình, viết đúng từng từ

-Biết chia sẻ, trả lời được các câu hỏi có liên quan.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, chú đọc bài theo lệnh của GV..

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ quan sát, suy nghĩ trả lời, tích cực hăng say phát biểu.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- Tivi, máy tính, học liệu điện tử.

- Bảng ghép âm đầu + âm chính

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1: Mở đầu:**  - Gv cho HS chơi trò chơi Đi chở  - Y/c HS kể tên các âm, các chữ đã học. Nhận xét.  \* GTB: Hôm nay các em sẽ học bài *Ôn tập* để củng cố lại tất cả các âm và chữ đã học.  - GV ghi bảng: Bài 15: Ôn tập  **2. Luyện tập:**  ***BT1: Ghép các âm đã học thành tiếng***  \* GV xuất hiện bảng ôn như BT1   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | a | o | ô | ơ | e | ê | i | ia | | **l** |  |  |  |  |  |  |  |  | | **b** |  |  |  |  |  |  |  |  | | **h** |  |  |  |  |  |  |  |  | | **g** |  |  |  |  |  |  |  |  |   - Y/c HS các âm có sẵn ở cột dọc(âm đầu), hàng ngang(âm chính).  - GV nhận xét  - GV chỉ từng âm, cả lớp ghép đồng thanh theo hàng ngang.  -Y/c HS thêm các dấu thanh đã học vào mỗi tiếng để tạo tiếng mới.  - Dòng 2, 3, 4 y/c cả lớp thêm dấu đọc các tiếng còn lại.  **BT2: Tập đọc**  **\**Luyện đọc từ ngữ.***  - GV xuất hiện tranh minh họa bài đọc: Đây là cái gì?  - GV giới thiệu: Bể cá  ***\* GV đọc mẫu:*** GV đọc BT2, kết hợp giải nghĩa “cò đá, le le gỗ”  ***\* Luyện đọc từ ngữ.***  - Y/c HS đánh vần, đọc trơn các từ:*bể cá, có cá*, *cò đá*, *le le gỗ*  - Luyện đọc nối tiếp câu(cá nhân, nhóm đôi)  ***\* Thi đọc cả bài:***  - Tổ chức cho HS thi đọc theo nhóm, tổ, cá nhân.  - Nhận xét tuyên dương bạn đọc tốt.  **BT3:**  - GV xuất hiện từ, hình ảnh BT3.  - GV chỉ từng từ y/c HS đọc.  - Y/c HS lần lượt nêu từ ứng với hình ảnh số mấy?  - Y/c HS làm bài vào VBT, báo cáo kết quả, nhận xét.  \* Chốt đáp án: 1- gà; 2 – bí; 3 – đĩa; 4- lê ; 5- hổ.  **3. Vận dụng:**  - Nhận xét tiết học, nhắc HS về nhà ôn lại các bài học trong tuần.  - Xem trước bài 16 : gh | - HS chơi  - HS nêu:  - HS viết, nhận xét bài viết đúng, đẹp.  - Lắng nghe  - HSQS  - HS đọc cá nhân, lớp:  Cả lớp đồng thanh ghép từng tiếng theo hàng ngang:  - 5HS nêu nối tiếp các dấu thanh đã học vào mỗi tiếng ở dòng 1  - Lớp đọc đồng thanh.  - HSQS, trả lời  - QS, lắng nghe.  - QS, lắng nghe.  - Luyện đọc cá nhân, nhóm, cả lớp.  - Luyện đọc nối tiếp cá nhân, cặp.  - Thi đọc cá nhân, nhóm, lớp. Nhận xét.  - HSQS.  - Đọc cá nhân, cả lớp  - HS nêu, nhận xét.  - Làm BT nối vào VBT, nêu kết quả bài làm, nhận xét.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**..................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 3.**

HĐTN

**CHIA SẺ VIỆC THỰC HIỆN AN TOÀN GIAO THÔNG Ở CỔNG TRƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1**. Năng lực đặc thù.

+ NL hiểu biết về bản thân và môi trường sống:

-HS tự liên hệ và đánh giá về những việc bản thân và các bạn trong lớp đã làm được để tham gia xây dựng “Công trường an toàn giao thông

-Biết chia sẻ, biết trình bày những việc bản thân và các bạn đã làm được để tham gia xây dựng cổng trường an toàn giao thông.

2. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm. Giữ trật tự, biết lắng nghe, thực hiện khi tham gia phong trào “Cổng trường an toàn giao thông”; những lời khuyên tới các bạn trong lớp để tham gia giao thông an toàn*.*

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chú lắng nghe, trả lời các câu hỏi một cách tự tin.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Mở đầu:**  -GV cho HS hát bài Đèn đỏ, đèn xanh  **2. Các bước sinh hoạt:**  2.1. Nhận xét trong tuần **3**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  2.2.Phương hướng tuần 4  - Thực hiện dạy tuần 2, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  **3.Vận dụng.**  An toàn giao thông ở cổng trường.  \* GV tổ chức cho HS tham gia một số hoạt động như:  - Chơi các trò chơi: thi nhận biết nhanh về các biển báo giao thông đường bộ.  - Thi đóng vai tham gia giao thông, đóng vai xử lý các tình huống khi tham gia giao thông đường bộ.  - Y/C HS thảo luận và chia sẻ cặp đôi và cả lớp về: những việc mà bản thân đã chứng kiến, quan sát được về tình huống không an toàn khi tham gia giao thông; những việc mà bản thân đã thực hiện khi tham gia phong trào “Cổng trường an toàn giao thông”; những lời khuyên tới các bạn trong lớp để tham gia giao thông an toàn*.*  - Múa hát theo chủ đề “An toàn giao thông”. | Hát  - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS chơi trò chơi  - HS chia nhóm, đóng vai xử lí một số tình huống giao thông.  - HS làm việc cặp đôi  - Các nhóm thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**..................................................................